

HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Thanh Ngân

Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: thanhngan.rna411@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/5/2024; ngày hoàn thành phản biện: 20/5/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024

TÓM TẮT

Chuyển đổi số là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục nói chung và của các trường đại học nói riêng. Trước những biến đổi xã hội, các trường đại học cần nhanh chóng bắt nhịp với thời đại mới để nâng cấp các trang thiết bị, hạ tầng mạng và năng lực số nhằm đáp ứng cho quá trình dạy và học đạt được hiệu quả tốt nhất. Thông qua phương pháp tổng thuật tài liệu, bài viết sẽ đi từ phân tích các điều kiện để chuẩn bị cho việc áp dụng chuyển đổi số đến đánh giá quá trình triển khai chuyển đổi số tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ những hạn chế mà nhà trường gặp phải, tiến đến chuyển đổi số thuận lợi hơn, thúc đẩy sự phát triển bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục và tăng cường năng lực cạnh tranh của nhà trường trên thị trường giáo dục.

Từ khóa: Áp dụng, chuyển đổi số, giải pháp, giáo dục, Trường Đại học Khoa học.

1. MỞ ĐẦU

Chuyển đổi số là thuật ngữ được sử dụng phổ biến ở tất cả các lĩnh vực của xã hội. Theo góc nhìn của kinh tế, chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới (Dung, 2021). Chuyển đổi số là áp dụng công nghệ đột phá để tăng năng suất, tạo ra giá trị và các phúc lợi xã hội (Ebert, 2018). Một cách hiểu khác “*chuyển đổi số là quá trình con người thay đổi cách sống, cách làm việc, phương thức sản xuất với các công nghệ số*” [8]. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là mối quan hệ chức năng giữa các thành phần và tổng thể. Đó là sự thay đổi giáo dục đại học và thay đổi văn hóa học thuật, tác động đến cá nhân và xã hội [6]. Như vậy, có thể hiểu chuyển đổi số trong giáo dục là chuyển đổi từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục ứng dụng công nghệ số vào quản lý giáo dục, hỗ trợ công tác giảng dạy và học tập, kiểm tra đánh giá.

Vấn đề chuyển đổi số được đặt ra từ lâu, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề cập đến việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và đã có những nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số vào giáo dục đại học [4] nhưng phải đến năm 2020 khi đại dịch Covid-19 bùng phát mới thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục diễn ra nhanh chóng. Khi xã hội buộc phải cách ly, các công cụ hỗ trợ dạy học như Google Meet, Zoom, Classroom được sử dụng rộng rãi ở hầu hết các trường học. Đến nay, chuyển đổi số trở thành nhiệm vụ trọng tâm ở trong ngành giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành rất nhiều Công văn, Quyết định liên quan đến việc vận động chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục. Trong công văn 4771/BGDĐT-CNTT đã ghi rõ: *“Tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành Giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia”* [2]. Vì vậy, không nằm ngoài xu thế đó, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã và đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác giảng dạy và học tập. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng chuyển đổi số tại nhà trường, chỉ ra những điểm mạnh và hạn chế trong quá trình triển khai chuyển đổi số từ đó đề xuất một số giải pháp.

2. PHƯƠNG PHÁP TỔNG THUẬT TÀI LIỆU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng thuật tài liệu để phân tích quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học, đặc biệt tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Các tài liệu thu thập bao gồm sách, bài báo khoa học, báo cáo hội thảo và số liệu thống kê từ các nguồn uy tín như Google Scholar, Scopus và các trang web chính thức, được lựa chọn dựa trên mức độ liên quan, tính cập nhật và độ tin cậy. Dữ liệu sau khi thu thập được phân loại theo chủ đề và phân tích nội dung nhằm xác định xu hướng, thách thức, cơ hội cũng như thực trạng triển khai và hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu cung cấp đánh giá tổng quan về điều kiện chuẩn bị, thực trạng triển khai, đồng thời chỉ ra những hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Việc sử dụng phương pháp tổng thuật giúp đảm bảo tính khách quan, toàn diện và tạo cơ sở lý luận vững chắc cho nghiên cứu.

3. LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Quá trình dạy học là một hệ thống thống nhất, gồm nhiều yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Hiện nay có rất nhiều mô hình chuyển đổi số được triển khai phù hợp với nhiều môi trường giáo dục khác nhau tuy nhiên các yếu tố tiền đề cơ bản được cho là cần thiết để triển khai chuyển đổi số bao gồm: trang thiết bị, cơ sở hạ tầng mạng và năng lực số. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình áp dụng chuyển

đổi số vào công tác giảng dạy tại trường học. Các kết quả nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra sự ảnh hưởng của những yếu tố này đến kết quả dạy và học. Để áp dụng chuyển đổi số cần đáp ứng các yêu cầu sau:

Thứ nhất, cần có một hệ thống chính sách thúc đẩy chuyển đổi số phù hợp, bảo đảm về hệ thống hóa quản lý; lãnh đạo nhà trường cần thay đổi nhận thức và nâng cao khả năng quản lý để thích ứng với bối cảnh mới. Từ đó lãnh đạo nhà trường cần có những chiến lược thúc đẩy nhằm thay đổi tư duy và nhận thức đúng đắn về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ giảng viên, chuyên viên, sinh viên của trường là để chuẩn bị cho việc thay đổi hình thức quản lý và giảng dạy [3].

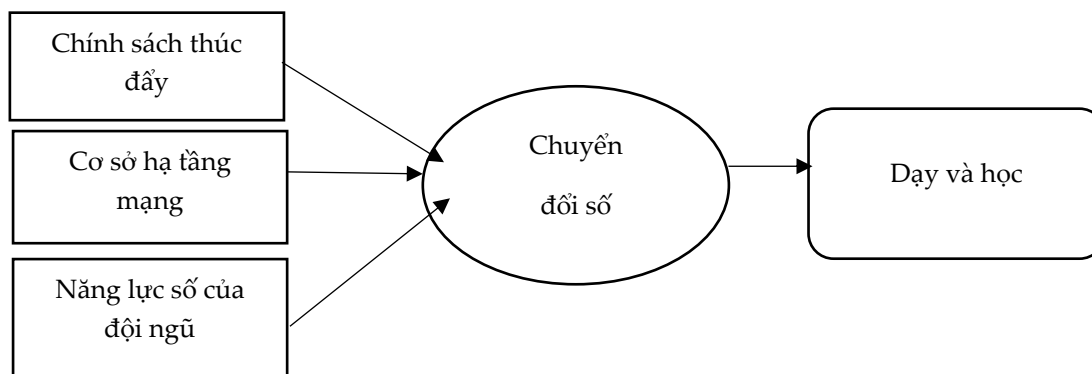
Thứ hai, cơ sở hạ tầng mạng bao gồm: mạng Internet, thiết bị truyền mạng, đội ngũ kỹ thuật và các phần mềm dạy học. Hạ tầng mạng là nơi cho phép mở rộng môi trường dạy học dưới tác động của công nghệ thông tin, mạng Internet không giới hạn không gian. Cơ sở hạ tầng công nghệ mới cần đồng bộ cả phần cứng, phần mềm và các nền tảng (platform) để hoạt động quản lý và giảng dạy được diễn ra suôn sẻ [3]. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng mạng cũng phải đảm bảo cho quá trình vận hành, đảm bảo cho khối lượng người dùng lớn [4]. Internet trở thành một yếu tố thiết yếu cần có để duy trì cho việc dạy và học diễn ra trên các nền tảng số [13].

Thứ ba, năng lực số được coi là chìa khóa giúp người học và người dạy tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ số thành công. Giảng viên và sinh viên cần chủ động nắm bắt cách thức vận hành, tiếp cận khoa học và công nghệ, từ đó có các kỹ năng quản lý, tổ chức các hoạt động dạy và học trên các công cụ số [3]. Trên nền tảng công nghệ, người dạy cần là người học cách tiếp cận, sử dụng để thực hiện vai trò hướng dẫn, truyền tải, kết nối người học với nguồn dữ liệu, học liệu [10]; Kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong số các năng lực của sinh viên trong thời đại 4.0 cần có [11].

Theo nghiên cứu chuyển đổi số tại trường Trường Đại học Lạc Hồng [7] sau ba năm triển khai với 100 giảng viên và nhân viên đã cho thấy có đến 68% người trả lời đã sẵn sàng bước vào quá trình chuyển đổi số và có 89,4% đồng ý áp dụng chuyển đổi số đã làm tăng hiệu quả công việc so với trước đây. Bên cạnh đó, những tác động tích cực khác cũng được đề cập như có thể giúp giảng viên quản lý công việc, hỗ trợ giảng dạy tiết kiệm thời gian và trao đổi, chia sẻ thông tin thuận tiện hơn. Đây là những tín hiệu khả quan khi chuyển đổi số đã đem đến rất nhiều phản hồi tích cực từ chính đội ngũ nhân viên của trường, tuy nhiên bên cạnh đó kết quả cũng chỉ ra những thách thức trong quá trình áp dụng chuyển đổi số tại trường đó là các nền tảng công nghệ số, chất lượng Internet không đảm bảo làm chậm quá trình chuyển đổi số. Hệ thống hóa của trường và chất lượng các khóa tập huấn không hiệu quả làm ảnh hưởng. Có một bộ phận giảng viên và chuyên viên có tâm lý ngại thay đổi. Từ kết quả nghiên cứu này, có thể thấy vai trò của các điều kiện chuyển đổi số là rất quan trọng trong việc áp dụng

thành công chuyển đổi số, nếu không đáp ứng được những điều kiện này quá trình chuyển đổi số gặp nhiều rào cản ảnh hưởng đến quá trình dạy và học.

Từ các cơ sở lý luận trên, bài viết áp dụng mô hình chuyển đổi số dưới đây để đánh giá thực trạng áp dụng chuyển đổi số tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế:



Hình 1: Áp dụng chuyển đổi số tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

4. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ

4.1 Chuẩn bị các điều kiện cho quá trình chuyển đổi số

Để chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi số, Trường Đại học Khoa học đã chuẩn bị các yếu tố tiền đề cho việc chuyển đổi số diễn ra bao gồm: trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, năng lực số của giảng viên và sinh viên.

Về chính sách thúc đẩy, nhà trường đã có những hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ và sinh viên tại trường về lợi ích của chuyển đổi số như đưa vấn đề chuyển đổi số vào tham luận thường niên ở Đại hội Công đoàn và Đoàn Thanh niên. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực số cho giảng viên và sinh viên trước triển khai học trực tuyến.

Về cơ sở hạ tầng mạng, trường đã trang bị bộ phát sóng Wifi phủ sóng toàn trường với 6 điểm phát tại 6 khu phòng học tại trường. Trường đã xây dựng 12 phòng máy tính với diện tích sử dụng 870 mét vuông, gồm 11 máy chiếu; 3 phòng học đa phương tiện với 2 tivi được sử dụng. Ngoài ra tại các phòng học truyền thống nhà trường cũng lắp đặt các thiết bị máy chiếu, màn chiếu, dây kết nối mạng tại các phòng học nhằm mục đích phục vụ công tác dạy và học tổng cộng toàn trường có 13 tivi, 65 máy chiếu [1]. Các trang thiết bị này cơ bản đáp ứng được mục đích sử dụng vào việc dạy và học, thay thế cho hình thức dạy học truyền thống. Mặc dù đã được trang cấp nhiều thiết bị nhưng ngoại trừ các phòng máy tính và phòng đa phương tiện thì các phòng học truyền thống có phản ánh của 60% của giảng viên và sinh viên về việc kết

nối kém hoặc không thể kết nối vào mạng Internet của trường để sử dụng trong các tiết học.

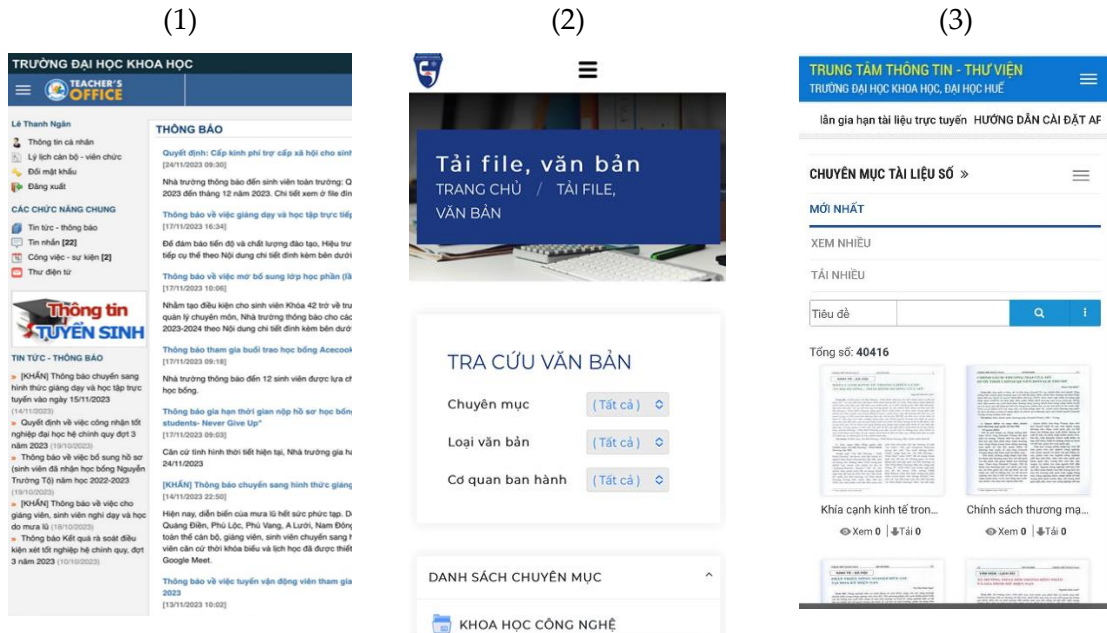
Về năng lực số của giảng viên và sinh viên, nhà trường đã tổ chức hai cuộc tập huấn cho giảng viên và sinh viên để phổ biến về việc sử dụng tài khoản đăng nhập và cách sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến Meet và Classroom trước khi giãn cách xã hội (tháng 3/2020). Các cuộc tập huấn này cơ bản cung cấp cho giảng viên và sinh viên cách thức truy cập và sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến, tuy nhiên số lượng tham gia là không cao, đối với giảng viên chủ yếu là các giảng viên trẻ được cử đi tham gia dẫn đến việc các giảng viên lớn tuổi khó tiếp cận với các thiết bị và công cụ sử dụng để dạy học trực tuyến nên lúng túng trong các giờ dạy online. Một bộ phận sinh viên cũng chưa có đủ kỹ năng sử dụng

4.2 Triển khai chuyển đổi số và kết quả áp dụng

Đối với công tác dạy học của giảng viên, nhà trường đã triển khai được những hoạt động chuyển đổi số như sau:

Thứ nhất, nhà trường đã bổ sung vào Website chính thức của trường (husc.hueuni.edu.vn) tích hợp thêm các tính năng mới như lịch công tác và mục tìm kiếm văn bản, biểu mẫu. Công văn các cấp hay những công văn khẩn đều được chuyển dưới hình thức văn bản số. Việc tích hợp này đã giúp cho giảng viên có thể nắm lịch làm việc, các hoạt động của Khoa, trường một cách chủ động hơn. Các văn bản, biểu mẫu cũng được cập nhật thường xuyên để thuận tiện cho giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận, tra cứu với các mẫu văn bản mới nhất một cách nhanh chóng so với trước đây phải xin các mẫu văn bản từ giáo vụ Khoa, trường.

Thứ hai, trang thông tin tín chỉ (husc.edu.vn) được đưa vào sử dụng từ năm 2020 và nhận được rất nhiều phản hồi tích cực. Đối với giảng viên, trang thông tin tín chỉ đã giúp giảng viên chủ động quản lý lịch trình giảng dạy, trao đổi thông tin với sinh viên qua hộp thư điện tử, nắm được các thông báo quan trọng của trường đồng thời kiểm tra được tình trạng đóng học phí của sinh viên vào các kỳ thi. Đối với sinh viên, truy cập vào trang tín chỉ có thể nắm bắt được thời gian học tập, đăng ký tín chỉ, trao đổi thông tin với giáo viên, cập nhật về học phí... Tuy nhiên, trang tín chỉ vẫn tồn tại một số hạn chế như hệ thống không cập nhật hoặc cập nhật trễ tình trạng học phí của sinh viên, có lúc cập nhật không chính xác số giờ dạy của giảng viên.



Hình 2: Các ứng dụng hỗ trợ quản lý, giảng dạy và học tập: (1) Trang chào đón tin chỉ, (2) Mục tài file, văn bản trên Website, (3) Thư viện tài liệu số

Thứ ba, nhà trường bắt đầu triển khai sử dụng công cụ Google Meet và Google Classroom vào giảng dạy vào năm 2020 và vẫn tiếp tục sử dụng như một công cụ thay thế cho việc giảng dạy trực tiếp. Việc áp dụng các công cụ dạy học trực tuyến đã đem lại rất nhiều hiệu quả khi dạy học, các giảng viên đều phản ánh tích cực khi có thể sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến một cách hiệu quả. Với tình trạng thời tiết cực đoan, ở miền Trung thường xuyên xảy ra thiên tai như mưa bão và lũ lụt, nhà trường đã đưa quy chế mới trong công tác giảng dạy của nhà trường, giảng viên có thể dạy học trực tuyến 30% số tiết học của mỗi môn có thể giúp giảng viên có thể chủ động công việc của mình, cũng như thuận tiện cho việc ứng phó với tình hình thời tiết. Bên cạnh những lợi ích đó, việc triển khai dạy học trực tuyến cũng gặp phải rất nhiều hạn chế như học trực tuyến nhưng kết nối mạng không đảm bảo, không có điện khi lũ lụt để tham gia vào lớp học, sinh viên không tập trung học tập trong các giờ học online, giáo viên khó kiểm soát được tình trạng học tập của sinh viên.

Thứ tư, Trường Đại học Khoa học đã xây dựng thành công thư viện số, tài liệu số để phục vụ học tập và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên trong đó tài liệu số với 40.536 tài liệu số gồm sách, bài báo, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học; thư viện số với hơn 10.000 các giáo trình, bài giảng ở tất cả các ngành đang được giảng dạy tại trường. Tuy nhiên, lượt truy cập và lượng tải về hạn chế, trung bình chỉ có 25 lượt xem và 2 lượt tải trên mỗi tài liệu [12]. Điều này cho thấy có hai hạn chế một là nhận thức về việc sử dụng tài liệu số của giảng viên và sinh viên chưa cao do chưa

hiệu quả về mặt phổ biến, hai là việc phổ biến thư viện số từ nhà trường còn chưa rõ ràng, đồng bộ.

Thứ năm, trường cũng tập trung quảng bá hình ảnh qua các phương tiện mạng xã hội đồng thời giúp cập nhật thông tin về trường nhanh chóng cho sinh viên ở trang Fanpage trên mạng xã hội Facebook. Các thông báo thường xuyên được update trên trang fanpage của trường như nghỉ học vì lụt bão, Covid... hay chuyển đổi hình thức giảng dạy cho các tiết học bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh. Các thông báo này giúp giảng viên cố vấn cập nhật kịp thời các thông tin và nhanh chóng chuyển thông tin đến giáo viên và các lớp, giúp người dạy chủ động chuẩn bị trang thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy và sinh viên cũng chủ động chuẩn bị để truy cập vào lớp học.

Về số hóa bài giảng (E-learning) đang được triển khai nhưng chưa đạt được hiệu quả, nhà trường vẫn sử dụng bài giảng dạng giấy hoặc Powerpoint đơn giản chứ chưa có bài giảng được số hóa, cập nhật trên hệ thống LMS như các trường đại học khác.

Công cụ phần mềm điện tử (UMS HUSC) khởi tạo có các tính năng mới (phản ánh) nhằm đánh giá chất lượng dạy và học nhưng chưa nhận được nhiều sự quan tâm.

5. MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Trong ba năm triển khai chuyển đổi số tại Trường Đại học Khoa học đã có nhiều hoạt động tích cực, nhưng từ kết quả áp dụng chuyển đổi số có thể rút ra được một số hạn chế mà nhà trường đang gặp phải đó là:

- Nhà trường chưa có một chiến lược chuyển đổi số đồng bộ, rõ ràng.
- Nhận thức và năng lực số của giảng viên và sinh viên chưa được nâng cao, các lớp đào tạo, tập huấn chưa đem lại hiệu quả. Một bộ phận vẫn phụ thuộc nhiều vào dạy học theo phương pháp truyền thống.
- Cơ sở hạ tầng mạng chưa phục vụ tốt cho quá trình dạy và học, Internet chưa được nâng cấp bảo đảm cho khối lượng người dùng lớn.
- Chưa có biện pháp cụ thể cho những trường hợp học online trong điều kiện thiên tai, bão lũ.
- Thực hiện số hóa bài giảng còn chậm, chưa có hệ thống LMS.

Từ những hạn chế nêu trên đã rút ra, một số giải pháp được đề xuất nhằm giúp cho quá trình chuyển đổi số diễn ra thuận lợi hơn:

1/ Trường Đại học Khoa học cần xây dựng một mô hình dạy và học phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường, mô hình Blending learning là một giải pháp có thể xem xét. Blended learning là phương pháp dạy học kết hợp giữa truyền thống

và trực tuyến [9]. Blended learning rất phù hợp với việc triển khai học 30% online và 70% offline tại nhà trường. Cần xây dựng hệ thống LMS để phục vụ cho việc triển khai các mô hình chuyển đổi số tại trường.

2/ Lãnh đạo nhà trường cần đưa ra những chính sách đồng bộ, làm rõ nhiệm vụ chuyển đổi số phải là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển của nhà trường. Nhà trường cần thường xuyên nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dạy và người học để tránh lãng phí tài nguyên đã số hóa như thư viện số cũng như phụ thuộc quá nhiều vào phương pháp giảng dạy truyền thống. Ngoài ra, cần thường xuyên tập huấn nâng cao các kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho giảng viên và sinh viên để đảm bảo họ có đủ khả năng làm chủ công nghệ để phục vụ cho quá trình dạy – học.

3/ Nhà trường cần phải nâng cấp hạ tầng mạng, điều thiết yếu là trang bị bộ phát sóng Internet có khả năng đảm bảo cho quá trình vận hành, đảm bảo cho khối lượng người dùng lớn.

4/ Cần có những biện pháp cụ thể khi triển khai dạy học trực tuyến trong điều kiện thiên tai, bão lũ xảy ra.

6. KẾT LUẬN

Từ mô hình áp dụng và đánh giá kết quả chuyển đổi số tại Trường Đại học Khoa học cho thấy nhà trường rất tích cực trong việc triển khai chuyển đổi số bằng chứng là qua các hoạt động cụ thể như bổ sung các tính năng tìm kiếm văn bản mới vào website của trường, sử dụng đồng bộ trang tin chỉ trong công tác quản lý giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, tiếp tục sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến, khởi tạo thư viện số với kho tàng tài liệu khổng lồ, quảng bá và cập nhật thông tin trên các nền tảng mạng xã hội... Tuy nhiên, việc triển khai gặp phải các rào cản từ hạ tầng mạng, nhận thức và năng lực số của giảng viên và sinh viên, chưa thực hiện tốt việc số hóa bài giảng... Để chuyển đổi số thành công trong tương lai, nhà trường cần có những điều chỉnh, sửa đổi để phù hợp hơn với thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo tổng kết Quý 3. (2022). Số liệu thống kê năm 2022. Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Retrieved from Bộ Giáo dục và Đào tạo: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/tang-cuong-ung-dung-cntt/Pages/chi-tiet-van-ban-chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3487>
- [3]. Dũng, B. V. (2022). Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp: xu hướng trên thế giới và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, pp. 74-83.
- [4]. Dung, N. T. (2021). Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học. *Tạp chí KH&CN Trường Đại học Hòa Bình*, p. 9.
- [5]. Ebert, C. &. (2018). Digital transformation. *IEEE Softw*, pp. 16-21.
- [6]. Hải, L. Đ. (2023). Chuyển đổi số trong giáo dục giai đoạn 2020-2022: Nghiên cứu trắc lượng khoa học. *Education*, pp. 77-43.
- [7]. Lê, P. T. (2021). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: một phân tích tại Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Giáo dục*, pp. 40-46.
- [8]. Long, T. L. (2020). Giáo dục đại học: Cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số. *Tạp chí Thông tin & truyền thông*, pp. 5-6.
- [9]. Minh, T. Đ. (2021). Chuyển đổi số trong giáo dục: Blended Learning tại trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. In *Kinh tế Việt Nam trên con đường chuyển đổi số*. Hồ Chí Minh: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10]. Nguyệt, T. B. (2021). Vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học đại học hiện nay. *Tạp chí Công Thương*.
- [11]. Tấn, Đ. N. (2018). Năng lực công nghệ số đáp ứng nhu cầu xã hội: Các mô hình quốc tế và hướng tiếp cận tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, pp. 23-39.
- [12]. Thư viện số. (2023). *Trung tâm thông tin - thư viện, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*. Retrieved from <http://husc.tailieu.vn/>
- [13]. Vân, N. (2021). Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, pp. 1-13.

APPLICATION OF DIGITAL TRANSFORMATION AT THE UNIVERSITY OF SCIENCES, HUE UNIVERSITY

Le Thanh Ngan

Faculty of Sociology and Social Work, University of Sciences, Hue University

Email: thanhngan.rna411@gmail.com

ABSTRACT

Digital transformation is a key priority for the education sector in general and for universities in particular. In response to societal changes, universities need to quickly adapt to the new era by upgrading equipment, network infrastructure, and digital capabilities to achieve the best possible effectiveness in teaching and learning. Through a synthesis approach, this article will analyze the necessary conditions to prepare for the application of digital transformation and assess the implementation process at the University of Sciences, Hue University. Based on this analysis, the article proposes several solutions to overcome limitations, existing challenges the university faces, paving the way for a smoother digital transformation, promoting sustainable development, enhancing educational quality, and boosting the university's competitive capacity in the education market.

Keywords: Application, digital transformation, education, solutions, University of Sciences.



Lê Thanh Ngan sinh ngày 04/11/1992 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Xã hội học tại trường Đại học Khoa học, ĐH Huế năm 2014, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Khoa học và Chính sách Xã hội năm 2019 tại trường Đại học Nguyên Trí, Đài Loan, Trung Quốc. Hiện nay, bà công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác Xã hội, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Giới và phát triển, phát triển cộng đồng.